

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm

Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Tinh Hoa

Chủ giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Địa điểm: Giảng Đường Hoa Nghiêm Malaysia

Thời gian: Ngày 20 Tháng 12 Năm 2009

Tập 2

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Xin xem trong trang này, thứ tự là điều Năm Mười Bảy, chúng tôi xin đọc đoạn kinh văn này.

Kinh văn: “A Dật Đa, đương tri nghi hoặc w chư Bồ Tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi. Thị cố ưng đương minh tín chư Phật, vô thượng trí tuệ”.

Đến chỗ này là một đoạn, mấy câu này là Thích Ca Mâu Ni Phật nói với Di Lặc Bồ Tát. A Dật Đa chính là Di Lặc Bồ Tát. Tại trong pháp hội Vô Lượng Thọ, có hai vị làm đương cơ, vị đương cơ của nửa bộ kinh phía trước, là tôn giả A Nan, vị đương cơ của nửa bộ kinh phía sau, là Di Lặc Bồ Tát, cái ý nghĩa này rất là sâu xa. Tôn giả A Nan, là người truyền thừa Phật pháp, còn Di Lặc Bồ Tát, là tương lai kế tiếp một vị Phật. Hiện nay trong xã hội này rất hỗn loạn, chúng tôi đã từng nghe có người nói rằng, họ nói Di Lặc Bồ Tát đã hạ phàm, đã xuất hiện ở thế gian này của chúng ta, chúng ta tuyệt đối chẳng thể tin chuyện này. Thật tại mà nói, chư Phật, Bồ Tát, lòng từ bi của các Ngài khẩn thiết, lúc chúng sanh gặp phải tai nạn, chẳng có lý nào mà không cảm ứng, thế nhưng chúng ta phải biết, người phạm phu chúng ta có cảm, thì Phật, Bồ Tát có ứng. Chúng ta đọc trong kinh Hoa Nghiêm xem thấy, bậc Sơ Trụ trở lên, đích thật đã phá vô minh, cũng tức là nói, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thật sự đã buông bỏ khởi tâm động niệm, thì gọi là phá vô minh.

Vô minh, tức là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm cũng chẳng có, thì làm gì có phân biệt, chấp trước? Phân biệt từ đâu mà có? Từ khởi tâm động niệm mà có. Chấp trước từ đâu mà có? Chấp trước từ phân biệt mà có. Vô minh từ đâu mà có? Vô minh chẳng có xuất xứ, vô minh không có nguyên

nhân, chẳng thể truy tìm từ đâu mà có. Nếu truy tìm vô minh từ đâu mà có, thì vô minh lại cộng thêm vô minh, đó thì là rất phiền phức, cái niệm thứ nhất chẳng có nhân, không có nhân, cái niệm thứ hai, là lấy cái niệm thứ nhất, làm nhân của nó. Vì vậy mới sanh ra vọng niệm. Cho nên, vô minh là vô thi, tức chẳng có bắt đầu. Chẳng có bắt đầu, đương nhiên nó cũng không có chung kết, thì gọi là vô thi vô minh. Cái ý nghĩa này rất sâu, nhưng đây là chân tướng sự thật, vấn đề khó nhất trong Phật pháp, chính là cái vấn đề này. Tại trong Phật giáo gọi là đại vấn, vì sao lại có vô thi vô minh? Vô thi vô minh, khởi lên từ lúc nào? Nay ý niệm này của chúng ta toàn là vọng niệm, chỉ cần vọng niệm đình chỉ, thì chẳng có vô thi vô minh. Chúng tôi tu học trong giáo pháp Đại Thừa, đã tu học nhiều năm, dần dần mới hiểu rõ đạo lý này, đích thật là chẳng thể nói có bắt đầu.

Tại trong hội Lăng Nghiêm, có ghi chép một đoạn như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật nói một câu chuyện cho mọi người, Ngài nêu ra một thí dụ, như anh Diễn Nhược Đạt Đa mê đầu nhận ảnh, Ngài nêu ra thí dụ này. Ngài nói cái gì? Là nói hiện tượng nổi dậy của vô thi vô minh, trong kinh có nói thí dụ này. Thật ra là cùng với chúng tôi lúc còn trẻ ở trong trường học vậy, lúc đó chúng tôi ở trong trường, đang học lớp Trung Học cấp Hai, Trung Học cấp Hai là có môn học thực tập quân sự. Bởi vì lúc đó người Hoa đánh nhau với người Nhật, cho nên học sinh phải thực tập quân sự. Tại trong thực tập quân sự thường có báo động, khẩn cấp tập hợp, khẩn cấp tập hợp, hạn định trong ba phút thức dậy, liền mặc y phục chỉnh tề ra sân tập hợp, thì xảy ra một chuyện này tương tự như chuyện của anh Diễn Nhược Đạt Đa vậy. Sau khi mặc xong y phục, đội nón chỉnh tề, mọi người đều chạy ra ngoài sân tập hợp, đột nhiên có người hỏi: “Có ai thấy cái nón của tôi hay không?” Anh ta rất là hoảng hốt, đi tìm cái nón, người ta liền chỉ: “Cái nón của anh, chẳng phải đang đội trên đầu hay sao?” Cái nón đang đội trên đầu, anh ta đã quên mất, mà cứ đi tìm cái nón, thật ra nón đang đội trên đầu mà không biết, tình hình này rất tương tự như chuyện của anh Diễn Nhược Đạt Đa vậy! Cho nên, trong sự kinh hoảng thì anh ta đã mê, đây là điều thứ nhất, niệm thứ nhất mê chẳng có nguyên nhân.

Di Lặc Bồ Tát, là một vị Phật kế tiếp, đến lúc nào Ngài mới đến thế gian

này để thành Phật? Thích Ca Mâu Ni Phật, tại trong kinh Di Lạc Hạ Sanh, có nói rất rõ ràng cho chúng ta. Thật ra chúng ta cũng có thể, tính ra số năm đó, có bao nhiêu năm? Hiện tại Di Lạc Bồ Tát, đang ở trên Đâu Suất nội viện, tức trên cõi trời Đâu Suất. Phật nói với chúng ta, thời gian của cõi trời Đâu Suất, khác với chúng ta rất nhiều, một ngày trên cõi trời Đâu Suất, là bốn trăm năm ở dưới nhân gian chúng ta. Một năm cũng là tính ba trăm sáu mươi ngày, quý vị nên biết một ngày của trên cõi trời Đâu Suất, là bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta. Thọ mạng của người cõi trời Đâu Suất bao lâu? Thọ mạng của họ, thông thường là bốn ngàn tuổi, họ sống đến bốn ngàn tuổi, cũng là tính theo một năm, ba trăm sáu mươi ngày. Một ngày là bốn trăm năm, khoảng chừng là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, thì Di Lạc Bồ Tát hạ sanh đến thế gian này, chẳng có lý nào hiện tại, Ngài hạ sanh để thành Phật. Hiện tại Ngài cũng đến, tuyệt đối Ngài không dùng thân phận thị hiện thành Phật, như trong kinh Lăng Nghiêm có nói: *“Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”*.

Chúng ta cầu Di Lạc Bồ Tát, thì Di Lạc Bồ Tát dùng thân phận Bồ Tát hiện đến, đúng thật Ngài là bậc Đẳng Giác Bồ Tát, thị hiện thân phận Bồ Tát. Chúng ta thấy được Ngài, chẳng nhất định là hình tướng gì, trong lịch sử Trung Hoa có ghi chép, một vị là Phó Đại Sĩ, là cư sĩ tại gia, là Di Lạc Bồ Tát thị hiện. Ngoài ra một vị là hòa thượng Bồ Đại, quý vị nên biết Phật giáo Trung Hoa, tạo tôn tượng của Di Lạc Bồ Tát, đều là tạo hình tướng của hòa thượng Bồ Đại. Hòa thượng Bồ Đại, xuất hiện trong đời nhà Tống, cùng một thời đại với Nhạc Phi, Ngài xuất hiện ở tại huyện Phụng Hóa, tỉnh Triết Giang. Cho nên ở huyện Phụng Hóa, có đạo tràng của Ngài, còn tên họ thật sự của Ngài? Chẳng có ai biết được, cũng chẳng có ghi chép sanh tử của Ngài. Tại trong quyển Cao Tăng Truyện, có truyện ký của Ngài. Xem trong chương mục Thần Tăng Truyện, có nói đến Ngài, Ngài đích thật có hiển thị một ít thần thông, làm sao biết được Ngài, là Di Lạc Bồ Tát? Chính Ngài nói ra cho mọi người biết. Lúc Ngài sắp ra đi, Ngài nói với mọi người rằng, Ngài là Di Lạc Bồ Tát, Ngài nói xong liền ra đi, tức là Ngài đã vãng sanh. Đây là sự thật, nếu nói rồi mà không ra đi, thì đó là giả chẳng phải thật, đó tức là huênh hoang lừa bịp chur tổ sư. Trong Phật môn chúng ta, nếu thân phận các Ngài đã bộc lộ, thì họ lập tức ra đi, đích thật, có không ít thân phận của Phật, Bồ Tát đã bộc lộ, các

Ngài liền ra đi. Như đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ, Ngài là A Di Đà Phật tái lai, Ngài nói xong thì ra đi, bị người phát hiện, Ngài lập tức ra đi, không trụ thế nữa.

Di Lạc Bồ Tát là vị Phật tương lai, Thích Ca Mâu Ni Phật tại trong kinh, đã phó chúc cho Di Lạc Bồ Tát tương lai thành Phật, khẳng định là giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này, khẳng định là dùng pháp môn này làm pháp môn bậc nhất, để giáo hóa chúng sanh. Tại vì sao? Vì chúng sanh trong Sa Bà thế giới, thích hợp với pháp môn này, pháp môn này rất dễ tiếp nhận, cũng dễ thành tựu. Cho nên vị Tổ sư đời thứ Hai của Tịnh Độ Tông Trung Hoa là đại sư Thiện Đạo, đại sư Thiện Đạo cũng là hóa thân của A Di Đà Phật tái lai. Vậy thì lời của đại sư Thiện Đạo nói, chính là A Di Đà Phật tự mình nói, Ngài đã nói: “*Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế*”, đây là nói tất cả chư Phật, đều dùng thân Phật, thị hiện đến thế gian này, các Ngài dùng thân Phật thị hiện “*duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*”, đại sư Thiện Đạo, đã nói ra hai câu này.

Hay nói cách khác, chư Phật đều giảng kinh Vô Lượng Thọ, truyền pháp môn Tịnh Độ, đây là pháp môn chủ yếu, còn những pháp môn khác, là tùy thuận chúng sanh mà nói, vì căn tánh của chúng sanh không đồng. Tình hình khác thường, căn tánh khác nhau, thì Ngài nói những pháp môn đó, mới khế hợp với họ. Tại vì sao? Vì trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, họ đã từng tu học qua pháp môn đó, cho nên mới giảng pháp môn đó cho họ, thì họ rất dễ tiếp nhận, họ cũng rất dễ tu học, họ có được thành tựu hay không? Đó là một chuyện khác. Khẳng định là giúp cho họ nâng cao, muốn thành tựu thật là chẳng phải chuyện dễ! Nếu là bảo họ chuyển tu pháp môn Tịnh Độ, thì không một ai, mà chẳng được thành tựu. Đây là pháp môn Tịnh Độ, vô cùng thù thắng, chẳng những là Thích Ca Mâu Ni Phật, đang tuyên dương pháp môn Tịnh Độ, mà chúng ta đọc trong kinh Tịnh Độ, như trong kinh A Di Đà có nói, mười phương Phật đều tán thán pháp môn này. Đại sư La Thập phiên dịch kinh A Di Đà là sáu phương Phật, còn đại sư Huyền Trang phiên dịch là mười phương Phật. Đại sư Huyền Trang phiên dịch là trực dịch, tức là y theo kinh văn, trực tiếp phiên dịch, còn đại sư La Thập phiên dịch là ý dịch, tức là chẳng có y theo bản Phạn văn phiên dịch, mà là y theo ý nghĩa của bản Phạn văn phiên dịch. Chúng ta đọc trong kinh Vô Lượng Thọ, cũng thấy có mười phương Phật tán thán, tất

cả chư Phật đều tán thán, chúng ta nhất định phải hiểu rõ điều này.

Kể tiếp mấy câu này: “*Đương tri nghi hoặc, ư chư Bồ Tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi*”. Đây là sự thật, chẳng giả chút nào, chẳng những là đối với Bồ Tát, đối với người sơ học chúng ta cũng như vậy. Nếu như chúng ta, xem Phật giáo như là tôn giáo, xem tôn giáo như là mê tín, quý vị có đạt được sự lợi ích của kinh điển trong tôn giáo hay không? Có thể nói, khẳng định là chẳng đạt được. Tại vì sao? Vì tâm trạng khác nhau, quý vị có hoài nghi, trong tâm có rất nhiều nghi vấn, thì quý vị làm sao có thể hiểu được, những điều trong kinh điển đã nói? Đây là đối với lời dạy của thánh hiền mà nói, thì chúng ta bị tổn thất lớn, đặc biệt là chúng sanh đang sống trong thời đại này, những lời giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, và những lời giao huấn của chư Phật, Bồ Tát. Cho dù chúng tôi có giảng rất rõ ràng, rất minh bạch cho họ nghe, họ cũng chẳng có cách nào tiếp nhận được.

Đây là trong gần mười năm nay, những chuyện mà chúng tôi đã gặp phải, trong những năm qua chúng tôi cũng gặp được duyên phần rất đặc biệt. Tiếp nhận lời mời của các trường đại học Úc Châu, cũng đã tham dự nhiều lần cuộc hội nghị Hòa Bình Quốc Tế, đều là do Liên Hiệp Quốc tổ chức. Cái vấn đề quan trọng nhất, chính là hóa giải xung đột, họ không gọi là hóa giải, mà gọi là tiêu diệt xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình. Lúc tôi tham dự cuộc hội nghị, mỗi lần tôi cũng trình bày, phương pháp hóa giải xung đột, người Hoa dùng hóa giải như Trung Y, hơn nữa cách chữa trị chứng bệnh, cũng khác với Tây Y.

Tây Y là dùng cách tiêu độc, họ phải tiêu diệt những độc tố đó, Trung Y thì chẳng phải chữa trị như vậy, Trung Y là dùng cách giải độc, đem nó hóa giải, dụng tâm khác nhau cho nên hiệu quả cũng khác nhau. Quý vị thấy, người phương Đông có lòng nhân từ, người phương Đông có lòng thương. Trong cuộc hội nghị, chúng tôi đem những kinh nghiệm, trí tuệ, phương pháp, hiệu quả hóa giải xung đột, từ mấy ngàn năm của lão tổ tông Trung Hoa, trình bày trong cuộc hội nghị Liên Hiệp Quốc, các hội viên tham dự cuộc hội nghị, họ nghe rồi rất hoan hỷ, cũng rất khen ngợi. Sau khi xuống giảng đài, chúng tôi dùng cơm với nhau, nói chuyện với nhau, có người nêu ra vấn đề để hỏi tôi. Họ hỏi: “Thưa pháp sư, Ngài nói được rất hay, nhưng đó là cái

lý tưởng tượng, không thể thực hiện được, những điều đó chẳng thể thực hiện được”. Đây là gì? Là nghi hoặc, là hoài nghi, nếu họ hoài nghi đối với những kinh nghiệm năm ngàn năm của cổ thánh tiên hiền Trung Hoa mà nói, thì họ tuyệt đối không bao giờ, dùng những lời giáo huấn của lão tổ tông, để xử lý những vấn đề của xã hội hiện nay, điều này tổn thất quá lớn.

Cho nên, chúng tôi ở trên giảng đài nói pháp, thường trích dẫn lời của tiền sĩ Thang Ân Tử, Anh Quốc (ông là người ngoại quốc, thì họ tin tưởng), đây là một nhà triết học lịch sử cận đại, ông nói: “Muốn giải quyết vấn đề của thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Không Mạnh của Trung Hoa và Phật pháp Đại Thừa”. Ông đã nói lời này, chẳng phải người Trung Hoa nói, thế nhưng vẫn không dễ khiến cho họ tin tưởng. Sau cùng tôi cảm thấy điều này thật là nguy cơ, những nguy cơ khác vẫn là thứ yếu, chẳng có lòng tin đối với lời dạy của cổ thánh tiên hiền, cái nguy cơ này, mới thật sự là nguy cơ. Làm thế nào khiến cho họ tin tưởng? Nay họ tin tưởng khoa học, khoa học là nói những gì? Phải đem chứng cứ ra.

Chúng tôi cũng vì chuyện này, cho nên chúng tôi mới nghĩ đến phải làm thực nghiệm, tìm một thôn nhỏ hoặc thị trấn nhỏ, để làm thực nghiệm. Nhìn xem văn hóa truyền thống của Trung Hoa, có thể ở trong thời đại này, sanh ra hiệu quả hay không? Chúng tôi tìm đến thị trấn Khang Trì, Lư Giang, tỉnh Anh Huy, từ chỗ này bắt đầu thực nghiệm, chúng tôi vô cùng cảm tạ các vị giáo sư, cảm tạ các vị đã bỏ ra sự giảng dạy vất vả, không ngờ đã có thành tích mau như vậy. Ban đầu, tôi bàn với giáo sư Dương Phục Phân, dự liệu phải mất hai đến ba năm, mới thấy được có thành tích, chẳng ngờ không tới bốn tháng, thì có thành tích nổi bật. Chúng tôi đã nghe nói, liền cảm thấy rất kinh ngạc, liền nghĩ đến lão tổ tông có nói, bản tánh con người vốn thiện, tức trong Tam Tự Kinh có nói: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, đây là đã chứng minh, đồng thời cũng phát giác được, nhân dân sao mà dễ dạy như vậy. Các vị vừa dạy, họ đã phát hiện lương tâm, thì họ biết hồi đầu. Chúng tôi đã thấy được, đã nghe được, tôi nghĩ đến chúng ta làm thế nào, giới thiệu cho Liên Hiệp Quốc, tôi tin rằng điều này, là nhờ được ân đức của tổ tông và Tam Bảo gia trì.

Vào tháng Năm, năm Hai Ngàn Lẻ Sáu thì Liên Hiệp Quốc đến tìm tôi, họ thông báo cho tôi biết, họ tổ chức một cuộc hoạt động, họ thỉnh tôi làm

chủ trì một đơn vị. Nếu chẳng phải là tổ tông gia trì, tôi nghĩ rằng không có chuyện như vậy, khi tin tức truyền đến, tôi cũng hoài nghi, Liên Hiệp Quốc tìm đối tượng phải là tìm các nước hội viên mới đúng, sao họ lại tìm đến Tịnh Tông Học Viện chúng tôi, chẳng có lý nào mà họ tìm chúng tôi. Cho nên chúng tôi mới phái ba người đến Paris, xem có chuyện này hay không? Khi đến nơi đó, đã nghe được thật sự có chuyện như vậy. Liên Hiệp Quốc muốn tổ chức một cuộc hoạt động này, họ tìm ai? Họ tìm Thái Lan, thì tôi đã hiểu rõ, Thái Lan là một quốc gia Phật giáo, Phật giáo là quốc giáo của Thái Lan, họ đã tìm đúng. Đại sứ của Thái Lan, tiến cử cho Liên Hiệp Quốc thỉnh mời tôi làm chủ trì cho một đơn vị. Cho nên, lần đứng ra tổ chức cuộc hoạt động đó, có năm đơn vị chủ trì. Đơn vị thứ nhất là Liên Hiệp Quốc, đơn vị thứ hai là Thái Lan, Thái Lan thỉnh mời tôi, tôi đem đơn vị của mình đặt ở sau cùng, còn những đơn vị khác đều sắp ở phía trước, để cho mọi người sanh tâm hoan hỷ.

Chúng tôi đem việc này làm cho tốt, tôi tham dự lần hoạt động này, chỉ có nói hai câu cho mọi người biết, cho các hội viên trong Liên Hiệp Quốc biết, câu thứ nhất là: “Tôn giáo có thể đoàn kết”, câu thứ hai là: “Nhân dân có thể dạy được tốt”, tôi chỉ nói hai câu này. Trong cuộc hoạt động lần đó, chúng tôi yêu cầu Liên Hiệp Quốc, cho chúng tôi thời gian tám tiếng đồng hồ, để chúng tôi đem kinh nghiệm ở Lu Giang, đã thực hiện trình bày một cách tường tận. Lời yêu cầu này, cũng đã bàn hết ba lần, bởi vì trước kia, Liên Hiệp Quốc không có cái lệ này, họ cho thời gian trình bày, chẳng thể nhiều hơn hai tiếng đồng hồ. Nhưng chúng tôi yêu cầu, nếu không cho tám tiếng đồng hồ, thì chúng tôi trình bày chẳng được tường tận lắm, kinh nghiệm của chúng tôi rất phong phú, bàn đến sau cùng, thì họ cho chúng tôi bốn tiếng đồng hồ. Chúng tôi mời giáo sư Thái Lễ Húc lên trình bày, ngoài ra chúng tôi mời thêm hai vị giáo sư khác, mỗi vị lên trình bày hai tiếng đồng hồ, cũng tới ba người, tổng cộng thời gian trình bày, cũng là tám tiếng đồng hồ. Ngoài ra chúng tôi yêu cầu Liên Hiệp Quốc, cho một phòng triển lãm, chúng tôi triển lãm một số hình ảnh và văn tự hết ba ngày.

Còn về việc thỉnh mời các tôn giáo đến hội trường của Liên Hiệp Quốc, để làm lễ cầu nguyện thế giới hòa bình, cái việc này còn khó khăn hơn, chúng

tôi yêu cầu thời gian trình bày, chúng tôi đề ra nhưng họ không chịu tiếp nhận. Họ nghĩ rằng các tôn giáo, mà cùng chung một nơi, sẽ sanh ra sự bất đồng quan điểm, cho nên họ chẳng chịu chấp nhận. Tôi còn nhớ, tôi cùng với họ đã bàn luận bốn lần, đến sau cùng họ cũng không đồng ý, thì tôi nói: “Tôi xin rời khỏi, tôi không tham dự cuộc hoạt động này nữa. Trong miệng quý vị nói hòa bình, trên thực tế là giả, chẳng phải thật. Bởi vì muốn thế giới hòa bình, nhất định phải nhờ vào các tôn giáo đoàn kết, thì mới có thể thực hiện được”.

Khi tôi nói, tôi muốn rời khỏi thì họ nóng ruột, tôi thấy họ cũng rất thật lòng, rất nghiêm túc, mà đưa ra một quyết định, họ đã đồng ý cho tôi mời chín đại tôn giáo ở Tân Gia Ba đến tham dự. Họ có đưa ra điều kiện, kèm theo hai điều kiện, điều kiện thứ nhất, những vị lãnh đạo của các tôn giáo, lên đài làm lễ cầu nguyện hòa bình, thời gian không được nhiều hơn năm phút, điều kiện thứ hai là ông tổng thư ký tốt nhất, không ở nơi hội trường, tức là ông vẫn chưa đến hội trường. Tôi cũng đồng ý, bởi vì chúng tôi có quay video suốt cuộc đại hội, và chúng tôi có phát sóng lên đài truyền hình vệ tinh.

Cho nên ngày đầu tiên trong đại hội, lúc những vị lãnh đạo của chín đại tôn giáo lên đài, họ vừa mới lên đài, thì ông tổng thư ký đi vào hội trường. Ông đến ngồi bên cạnh tôi, tôi nhìn về mặt của ông, ông cũng chẳng có biểu hiện cái gì, đến khi ông nhìn thấy những vị lãnh đạo các tôn giáo, tay nắm tay làm lễ cầu nguyện, ông tỏ ra rất vừa ý. Chúng tôi vừa thấy tình hình như vậy, thì đã yên lòng để cho các tôn giáo cầu nguyện xong, thì mỗi một tôn giáo cử đại biểu lên đài, thuyết trình năm đến mười phút. Như vậy cuộc làm lễ cầu nguyện mới được thành công, cuộc hoạt động lần đó, khiến cho Liên Hiệp Quốc mở rộng tầm mắt, họ chưa từng nghĩ đến. Cho nên sau khi đại hội thành công viên mãn, bộ Giáo Khoa Văn tổ chức thành lập văn phòng tôn giáo, họ đối với tôn giáo đã có nhận thức rất chính xác, có cách nhìn khách quan, không còn cố chấp nữa.

Cho nên trong tâm có nghi hoặc, là điều rất nghiêm trọng, tự chúng ta trong đời này, bất luận là học tập Phật pháp, hay là học tập kinh sách của những bậc thánh hiền thế gian, quý vị có thể lãnh ngộ được bao nhiêu? Cùng với lòng tin của quý vị mà so sánh tỷ lệ, nếu quý vị dùng tâm nghi hoặc mà nghiên cứu, thì quý vị nhiều nhất là chỉ được, một ít ngoài da của văn tự và

một ít thường thức mà thôi, ngoài ra quý vị chẳng có cách nào thể hội được những nghĩa lý thật sự. Trong pháp thế gian và xuất thế gian đều nói thành kính, đại sư Ấn Quang, Ngài nói được rất hay, Ngài dạy chúng ta một nguyên tắc, Ngài nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính thì quý vị được mười phần lợi ích*”, Phật pháp là như vậy, thế pháp cũng là như vậy.

Cho nên chúng ta đối với mọi người, mọi việc, mọi vật, phải dùng tâm thành kính, phải dùng tâm thành kính, chúng ta mới có thể đạt được trí tuệ viên mãn, điểm này rất quan trọng. Như chúng tôi lúc còn trẻ, do vì trong tâm có nghi hoặc, đối với kinh sách của thánh hiền không muốn xem đọc, những kinh sách cổ xưa của cổ thánh tiên hiền, là thuộc về quá khứ, hiện tại là phát triển khoa học, con người đã lên đến thái không, còn xem đọc những kinh sách cổ xưa để làm gì? Đây là sự hiểu lầm rất lớn, chúng ta chẳng có cách nào bài trừ. Đối với tôn giáo thì chẳng cần nói nữa, tôi cũng kể là rất may mắn, đến năm hai mươi sáu tuổi mới gặp được giáo sư Phương Đông Mỹ. Nếu tôi không gặp được thầy Phương, thì suốt đời tôi chẳng bao giờ xem những kinh sách này, chẳng bao giờ tin tôn giáo, cũng chẳng bao giờ xem đọc kinh sách của cổ thánh tiên hiền. Lúc còn nhỏ đã đọc được một ít, sớm đã quên hết rồi, thì cũng giống như kiến thức của đại chúng vậy, nghĩ rằng thời đại đã qua rồi.

Thầy Phương là một vị có học thức, mà trong tâm chúng tôi vô cùng kính ngưỡng, tôi theo thầy học triết học, thầy đã giảng cho tôi một môn triết học khái luận. Sau cùng thầy giảng đến một môn học gọi là triết học kinh Phật, thì tôi liền hoài nghi, tôi hỏi thầy: “Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, và lại bị người ta xem là tôn giáo vật chất, tôn giáo vật chất chính là đa thần giáo, phiếm thần giáo, chẳng thể so sánh với Cơ Đốc Giáo và Thiên Chúa Giáo, người ta là tôn giáo bậc cao, chỉ có tin một vị chân thần, còn trong Phật giáo, lễ bái quá nhiều vị thần, kinh Phật làm sao lại có triết học?” Thì thầy Phương nói với tôi rằng: “Anh còn trẻ nên không biết! Thích Ca Mâu Ni là một vị triết học, vĩ đại nhất trên thế giới”, thầy giới thiệu cho tôi như vậy, thầy không nói thần cũng chẳng nói Phật, mà thầy nói Phật là nhà triết học. Thầy nói: “Triết học kinh Phật là, triết học đỉnh cao nhất của trên toàn thế giới”, đây là lời của thầy nói.

Về sau tôi thuyết giảng, tôi không nói như vậy, mà tôi nói là triết học cao đẳng, tôi chẳng nói đỉnh cao nhất. Thầy lại nói: “Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”. Tôi tin lời thầy nói, những lời của thầy nói, nhất định là chẳng có sai lầm, thế nhưng tôi vẫn còn lo lắng, tôi mới hỏi thầy: “Thưa thầy, Phật học của thầy, thầy học ở đâu vậy?” Tôi muốn biết thầy học ở đâu, thầy mới nói với tôi rằng, trong thời kỳ kháng chiến, thầy đang dạy trong đại học Trung Ương, lúc đó trường đại học Trung Ương ở Trùng Khánh. Có một lúc thầy sanh bệnh, thì có một người khác đề nghị với thầy, nên đến núi Nga Mi mà dưỡng bệnh, vì ở nơi núi Nga Mi hoàn cảnh rất tốt. Trong thời kỳ kháng chiến, sự giao thông không thuận tiện, hoàn toàn chẳng có truyền thông, kể cả điện thoại cũng chẳng có. Báo chí và tạp chí thì không cần nói, cho nên trong thời gian thầy ở núi Nga Mi dưỡng bệnh, chẳng có cái gì để xem, chỉ có kinh Phật, vì vậy thầy mỗi ngày xem kinh Phật, càng ngày càng cảm thấy thú vị. Do vì ở núi Nga Mi thầy đọc kinh Phật, về sau ảnh hưởng suốt cuộc đời của thầy. Thầy nói với tôi rằng, lúc đó thầy chẳng có một ngày nào mà rời khỏi kinh Phật, đích thật khiến cho chúng tôi khâm phục. Trong kinh Phật có rất nhiều đoạn kinh văn quan trọng, thầy cũng có thể đọc thuộc lòng, trong Phật môn chúng ta, những vị pháp sư hoặc cư sĩ đại đức, chẳng ai có thể sánh bằng với thầy. Đây là thầy nhờ có nền tảng Hán học rất giỏi, thầy là thuộc về phái Đông Thành, quý vị cũng đều biết, thầy là đời thứ mười sáu của Phương Bao, học thức của thầy quảng bát uyên thâm, có một nền tảng tốt như vậy, vào cuối đời tôi mới quen biết với thầy, là từ đó bắt đầu. Lúc đó thầy đang dạy trong hệ triết học của trường đại học Đài Loan, thầy dạy toàn là Phật học, thầy giảng dạy một môn học có thể giảng một, hai năm, thầy giảng Phật Học Đại Thừa, Phật Học Ngụy Tấn, Phật Học Tùy Đường, thầy giảng ba môn học này.

Về sau thầy về hưu, trường đại học Phụ Nhân, là trường tư lập của giáo hội, mời thầy giảng triết học Hoa Nghiêm cho ban tiến sĩ, vào cuối đời thầy chuyên giảng môn Phật học. Trước kia tôi có quan niệm sai lầm, là nhờ có thầy giúp cho tôi cải chính, nếu tôi không gặp được thầy, thì chẳng có cách nào cải chính được. Lúc đó tôi còn trẻ, ưa thích biện luận với người ta, cãi điều vô lối, người khác rất khó biện luận giỏi hơn tôi, cho nên tôi biết hồi đầu, là

do nghe lời dạy của thầy. Thầy nói với tôi một câu rất quan trọng, thầy nói: “Triết học kinh Phật, nếu anh đến tự viện, chắc có lẽ tìm không ra”. Tôi hỏi: “Vậy tìm ở đâu?” “Tìm ở trong kinh điển”. Thầy dạy tôi, nhất định phải tìm xem kinh điển của Phật giáo, vả lại lúc đó, thầy giới thiệu cho tôi nên xem Pháp Tánh Tông, và Pháp Tướng Tông trong kinh điển của Phật giáo. Thầy nói: “Những thứ khác, tạm thời anh chẳng cần xem. Trước tiên, nên xem Pháp Tánh Tông và Duy Thức Pháp Tướng Tông”, thầy chỉ dạy tôi từ hai tông này mà nhập môn.

Tôi theo thầy Phương hai mươi mấy năm, trên thực tế, tôi nghe thầy giảng bài khoảng chừng nửa năm, nửa năm sau tôi quen biết với đại sư Chương Gia, Ngài là một vị chuyên học kinh Phật, cho nên tôi tiếp nhận Ngài chỉ dạy. Theo học với đại sư Chương Gia ba năm, căn bản học Phật của tôi là do đại sư Chương Gia đắp nền tảng, mà tôi đi xuất gia, cũng là đại sư Chương Gia dạy tôi. Ngài khuyên tôi đi xuất gia, Ngài còn hy vọng tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài dạy tôi đi con đường này rất chính xác, hai quyển sách mà Ngài chỉ định tôi phải xem là Thích Ca Phương Chí và Thích Ca Phổ. Lúc đó hai quyển sách này chẳng được in lưu thông, nhất định phải tìm trong Đại Tạng Kinh, cũng may là phân lượng của hai cuốn sách này không nhiều, cũng có thể chép lại. Cho nên tôi trước sau, cũng đã chép mười mấy bộ kinh, ở vào lúc đó không có in kinh sách để lưu thông, rất khó tìm được, không như hiện nay, hiện nay thì quá dễ tìm được kinh sách. Trước kia tâm tôi thường có nghi hoặc, tức là ở chỗ này, Phật nói: “Đối với các Bồ Tát, nghi hoặc chính là điều tổn hại lớn, đối với một người cầu trí tuệ, sanh ra chướng ngại nghiêm trọng”. Sau khi bài trừ cái quan ải này, chúng tôi đối với kinh sách của cổ thánh tiên hiền, rất dễ tiếp nhận. Tại vì sao? Vì đã sanh tâm cung kính, có tâm cung kính mới được lợi ích, đặc biệt là xem bộ Văn Sao của đại sư Ấn Quang, Ngài có nói: “Mười phần cung kính được mười phần lợi ích”, chúng tôi đã hội đủ tâm chân thành cung kính, mới lãnh hội được nghĩa lý trong kinh điển đã nói.

Về sau, tôi thân cận với lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi theo học với thầy Lý mười năm, sau cùng tôi được thành tựu, là nhờ thầy tận tâm chỉ dạy suốt mười năm. Thầy Lý nói với chúng tôi rằng: “Nếu muốn thật sự có được thành tựu học thuật của thánh hiền, điều quan trọng nhất, chính là một ngày cũng chẳng

thể lìa khỏi kinh điển”. Thầy nêu ra thí dụ, thầy nói: “Cổ nhân thường dạy, quyền không rời tay, nhạc không rời miệng”. Người đánh quyền, mỗi ngày chẳng rời luyện tập, nếu họ chẳng luyện tập một thời gian, sẽ lúng túng, người ca hát, mỗi ngày phải luyện giọng, người giảng kinh, mỗi ngày phải lên giảng đài học giảng kinh. Nếu ngưng ba tháng chẳng giảng kinh, quý vị sẽ bỏ ngỡ, nếu ngưng sáu tháng, sẽ hoàn toàn không biết giảng, nếu lúc quý vị chỉ muốn giảng kinh, thì phải học lại từ đầu. Cho nên thầy chỉ dạy tôi, nhất định phải có ý chí vững vàng, có tâm nhẫn nại, cổ nhân có nói: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, và lại thầy chỉ dạy chúng tôi, hoàn toàn là dùng cách dạy truyền thống tư thực.

Thật ra tôi theo học với thầy Phương, thầy cũng dùng cách dạy tư thực, và đại sư Chương Gia cũng dạy như cách này, đó chính là chỉ cho học một môn, chẳng thể đồng thời học nhiều môn, đồng thời học nhiều môn, quý vị sẽ phân tâm, quý vị sẽ động tâm. Ở nơi phương diện này, tôi đã thể hội được, đồng thời muốn học hai môn, thì thầy thẳng thắn nói với quý vị, anh chẳng có khả năng này, nhất định phải học xong một môn, rồi mới học môn khác. Cái gì gọi là học xong? Đó là tiêu chuẩn của thầy, chẳng phải tiêu chuẩn của chúng ta, thế nhưng tiêu chuẩn của thầy cũng không khắc khe lắm, quý vị chỉ lên đài giảng, thầy ngồi ở phía dưới nghe, đến khi nào thầy gật đầu thì được rồi, coi như quý vị đã học xong bộ kinh này, sau đó quý vị mới có thể học bộ kinh thứ hai. Đây là tiêu chuẩn của thầy Lý, đích thật tiêu chuẩn này không cao lắm. Và lại thuyết giảng, giảng như thế nào? Hoàn toàn là giảng lại lời của thầy đã nói, lúc chúng tôi mới học giảng kinh, có một chút chẳng quen, rõ ràng là tôi có cách nghĩ, cách nhìn của tôi, tôi muốn nói ra cách nghĩ, cách nhìn của tôi, có được hay không? Không được. Cách nghĩ, cách nhìn của quý vị chẳng được nói ra, dù có đúng, cũng chẳng được nói ra, dù có hay hơn thầy nói, cũng chẳng được nói ra, tức là thầy áp chế quý vị, chỉ giảng lại lời của thầy nói.

Thầy giảng bộ kinh này, giảng một lần cho quý vị nghe từ đầu đến cuối, quý vị phải hoàn toàn y theo cách giảng của thầy mà giảng lại, quý vị giảng thiếu sót cũng chẳng sao, nhưng không được thêm vào cái ý của mình trong đó, điều này tuyệt đối không được. Cách dạy, phương pháp này hiện nay học

trò rất khó tiếp nhận, chúng ta mà tuân theo phương pháp này để học tập, học tập được ba tháng sẽ cảm thấy rất hay, học tập được sáu tháng, tâm đã định. Phương pháp này rất hay, tại vì sao? Vì phiền não của quý vị giảm nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, tâm của quý vị đã định, tâm đã thanh tịnh. Không cho quý vị tìm tài liệu tham khảo, không cho quý vị nói theo ý của mình, tâm quý vị đã định, định sanh tuệ.

Sau khi đã khai trí tuệ, thì thông đạt tất cả kinh luận, dùng cái phương pháp này bao lâu mới được thông đạt kinh luận? Thầy cũng là tiếp thọ lời của chư cổ đại đức nói, chư cổ đại đức đều nói năm năm, cho nên trong năm năm dùng cái phương pháp này. Nay chúng tôi đã hiểu rõ, dạy tu cái gì? Dạy quý vị tu Giới - Định - Tuệ, chẳng tu cái gì khác, dạy quý vị giảng kinh hoặc là đọc kinh để tu Giới - Định - Tuệ, dùng phương pháp này để hoàn thành Giới - Định - Tuệ, thầy không muốn quý vị bận tâm.

Quý vị lên đài giảng kinh, chẳng cần bận tâm, chỉ giảng lại lời của thầy nói, không cần đi xa tìm tài liệu tham khảo, tâm quý vị đã định. Cho nên giữ quy củ chính là Trì Giới, thì tâm quý vị được Định, sau khi được Định lâu rồi, thì quý vị khai Trí Tuệ, thầy dạy phương pháp này, tức là không cho quý vị tự mình phát huy, mà là dạy cho quý vị tu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhẫn Nhục Ba La Mật là tiền phương tiện của Thiên Định Ba La Mật, tức là chuẩn bị công phu. Quý vị chẳng nhẫn được, thì làm sao được định? Có nhẫn nhục thì mới có thể được thiên định, được thiên định thì mới khai trí tuệ. Cho nên chúng ta biết, vào thời xưa, chư tổ sư đại đức, họ dụng tâm rất khó nhọc! Họ thật sự muốn giúp cho người đời sau được thành tựu nhân tài, họ có lòng từ bi, họ có trí tuệ, tâm lượng của họ rộng lớn, họ có phước báo lớn, họ đều hy vọng tương lai học trò phải giỏi hơn thầy, đích thật là như vậy, tại vì sao? Vì thời đại đang thay đổi, quý vị nghĩ xem, thời đại đó của thầy Lý và thời đại hiện nay của chúng ta, nếu chúng ta chẳng giỏi hơn thầy, thì không có cách nào ứng phó trong thời đại này.

Các đồng tu đời sau mà chẳng giỏi hơn tôi, thì quý vị chẳng có cách nào ứng phó trong thời đại đời sau. Cũng tức là nói, chúng ta chỉ có thể ứng phó trong thời đại hiện nay, không thể ứng phó trong thời đại của đời sau. Trong sách có câu “*hậu sanh khả úy*”, học trò phải giỏi hơn thầy mới được, nếu sự

thành tựu của học trò mà không bằng tôi thì hết hy vọng. Đây là trong những năm đã qua, chúng tôi đã thể nghiệm được trong cuộc sống hiện thực. Cách nói này của cổ nhân chẳng phải là khách sáo, mà hoàn toàn là sự thật, sự thật chính là như vậy, đời đời phải có bậc hiền tài xuất hiện. Trong lễ phục thời xưa của Trung Hoa, quý vị thấy người thời xưa làm quan, họ đội cái mũ, cái mũ đó giống như lầu thang vậy, phía trước thấp, phía sau cao, đó gọi là gì? Là Tấn Hiền Quán, trước là chính mình, đời sau nhất định phải cao hơn ta, nghĩa là dạy quý vị trong cuộc sống hằng ngày, niệm niệm không quên, khi đội lên cái mũ này thì biết được, phải đề bạt cho người đời sau, phải giúp cho người đời sau, phải dạy cho người đời sau, nhất định giỏi hơn mình.

Quý vị nghĩ xem, làm gì có ganh ghét, cản trở, nhất định chẳng có, quý vị nên biết ganh ghét, cản trở là phiền não nghiêm trọng. Theo trong nhân quả mà nói về ganh ghét, cản trở, nếu là ganh ghét bậc hiền tài, quả báo đời sau là ngu si, cản trở người khác trồng phước điền, quả báo đời sau là nghèo nàn. Cho nên Phật dạy chúng ta, tu ba thứ bố thí, như trước kia đại sư Chương Gia dạy cho vậy, Tài Bố Thí được giàu có, quý vị mà cản trở người khác Tài Bố Thí, quả báo của quý vị là nghèo nàn, Pháp Bố Thí là trí tuệ, quý vị mà cản trở người khác Pháp Bố Thí, quả báo của quý vị là ngu si, Vô Úy Bố Thí được quả báo là khỏe mạnh sống lâu, quý vị mà cản trở người khác Vô Úy Bố Thí, quả báo của quý vị nhất định là nhiều bệnh, chết yểu. Nghiệp nhân quả báo chẳng sai chút nào, quý vị phải hiểu rõ luật nhân quả này, thì mới biết được sự tổn hại quá lớn, cho nên gọi là “*Vi thất đại lợi*”.

“*Thị cố ưng đương, minh tín chư Phật, vô thượng trí tuệ*”, tức là chúng ta tin lời của cổ đại đức và tin lời của chư Phật, Bồ Tát, chẳng phải mê tín mà là hiểu rõ, tin tưởng. Hiểu rõ cái gì? Quý vị hiểu rõ thì mới tin tưởng, nếu quý vị không hiểu rõ, tuy quý vị nói tin tưởng nhưng sự tin tưởng đó không thật, thật sự mà thông đạt hiểu rõ, quý vị mới thật tin tưởng. Hiểu rõ được càng nhiều thì càng sâu, lòng tin của quý vị càng rộng lớn, đây là tỷ lệ như nhau. Lòng tin khởi đầu là chúng ta tin thầy, chúng ta tôn kính thầy, điều này rất quan trọng, muốn nhập môn nếu không tin, không tôn kính thầy thì chẳng thể nhập môn. Khi nhập môn, từ trong kinh giáo mà học tập, càng học tập càng hoan hỷ, tín tâm mỗi năm tăng trưởng, nguyện tâm mỗi năm rộng lớn, tin sâu

nguyện thiết khiến cho công phu của quý vị đắc lực, cảnh giới được nâng cao, đây gọi là “*minh tín chư Phật*”.

Nay lòng tin này của chúng ta thật sự được kiên cố vững chắc, chẳng thể lay động, nếu chúng ta so với chư Phật, Bồ Tát thì kém rất xa, vẫn còn kém rất xa. Thầy Phương đem Phật giáo giới thiệu cho tôi, đại sư Chương Gia dạy tôi phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài khuyên tôi xuất gia, suốt đời giảng kinh thuyết pháp, suốt đời không xây cất đạo tràng, nơi nào có duyên thì đi đến nơi đó, có lãnh ngộ được cái gì hay không? Cũng có chỗ ngộ, là Giải Ngộ, không phải Chứng Ngộ. Chứng ngộ mới được thọ dụng, giải ngộ thì kém hơn chứng ngộ rất nhiều. Chứng ngộ, chẳng cần nói chi khác, chỉ nói trong kinh Hoa Nghiêm, bậc Bồ Tát có năm mươi hai giai cấp, kể cả Diệu Giác gồm năm mươi hai địa vị, tương đương với trường học hiện nay, bắt đầu Tiểu Học, Trung Học cấp Hai, Trung Học cấp Ba, Đại học, Nghiên Cứu Sở. Thập Tín như là Tiểu Học, Thập Trụ là Trung Học cấp Hai, Thập Hạnh là Trung Học cấp Ba, Thập Hồi Hướng là Đại Học, Thập Địa là Nghiên Cứu Sở. Tiểu Học lớp Một chính là địa vị Sơ Tín trong Thập Tín, chúng ta có địa vị Sơ Tín hay không? Không có. Nếu chúng được Sơ Tín thì trong Kiến Tư Phiền Não đã đoạn hết tám mươi tám phẩm.

Năng lực của họ, năng lực vốn có của họ, có hai thứ xuất hiện, một thứ là Thiên Nhân Thông, một thứ là Thiên Nhĩ Thông. Quý vị có Thiên Nhân Thông thì thấy được tất cả, người khác chẳng thấy được, quý vị không có chướng ngại. Như nay chúng ta ở trên lầu, nhìn xuống dưới thấy mọi người đang làm những gì rất rõ ràng, đây là chứng ngộ. Nay chúng ta là giải ngộ, tuy là giải ngộ nhưng chúng ta vượt hơn Sơ Tín Bồ Tát, chúng ta hiểu biết nhiều hơn họ, thế nhưng năng lực của chúng ta chẳng bằng họ. Họ thật sự đã buông bỏ, còn chúng ta chưa buông bỏ, họ thật sự được tự tại, tuy họ đang ở trong lục đạo, nhưng họ tuyệt đối không đọa tam ác đạo, họ đã chứng quả, họ đã chứng ngộ. Học sinh lớp Một của Tiểu Học họ có bản lãnh lớn như vậy, họ nghe là Thiên Nhĩ nghe, lúc quý vị liên lạc với bạn bè, có cần điện thoại cầm tay hay không? Không cần. Bạn bè của quý vị ở nước ngoài, họ ở bên đó đang làm những gì, chỉ cần quý vị vừa tác ý, tức là vừa chú ý thì liền nghe được họ đang nói chuyện, quý vị cũng có thể thấy được họ ở bên đó đang làm những gì. Đây là

đã khôi phục được năng lực của Thiên Nhãn Thông và Thiên Nhĩ Thông.

Lại lên đến lớp Hai, là địa vị Nhị Tín Bồ Tát, cũng đã khôi phục lại thêm hai thứ, Túc Mạng Thông và Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông là biết được đời quá khứ của mình, hiện nay người ngoại quốc, họ dùng thuật thôi miên, khiến cho quý vị có thể trở về đời quá khứ, nhưng vẫn còn lờ mờ chẳng được rõ ràng lắm, tự quý vị mà thật có năng lực, thì thấy được đời quá khứ của mình. Tha Tâm Thông là trong tâm của người khác khởi tâm động niệm, thì quý vị liền biết được, năng lực của Tha Tâm Thông là như vậy. Lại lên thêm một lớp nữa thì có thể phi hành biến hóa, đây là Thần Túc Thông đã hiện tiền, Tôn Ngô Không có bảy mươi hai phép biến hóa, quý vị không chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa, mà bản lãnh của quý vị còn lớn hơn Tôn Ngô Không rất nhiều. Quý vị qua lại chẳng cần giao thông công cụ, quý vị có thể phân thân được tự tại, đây đều là sự thật. Phật nói với chúng ta rằng, những bản năng đó của chúng ta, mỗi một người đều có đủ, vì sao lại mất đi? Là bởi vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên đã mất đi. Nếu quý vị mà bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì sẽ khôi phục lại bản năng, cho nên dần dần học, dần dần khôi phục.

Đại sư Chương Gia dạy tôi buông bỏ, tôi đã nghe hiểu ý nghĩa của hai chữ này, thế nhưng đến bây giờ, vẫn chẳng có cách nào buông bỏ rốt ráo. So với người khác thì đã buông bỏ, đã buông bỏ “*tự tư tự lợi*”, đã buông bỏ “*danh vãn lợi dưỡng*”, đã buông bỏ sự hưởng thụ “*ngũ dục lục trần*”. Biết tùy duyên, chẳng còn tính toán so đo nữa, cũng đã buông bỏ rất nhiều “*tham, sân, si, mạn*”, nhưng vẫn không đủ. Quý vị thấy trong bao nhiêu năm nay, tôi thường khuyên các đồng tu, phải buông bỏ mười sáu chữ này, thật sự mà buông bỏ mười sáu chữ này, có vào được cửa hay không? Không có. Đến chỗ nào? Đến trước cửa, vẫn còn kém một bước. Tiêu chuẩn của một bước này là theo tiêu chuẩn trong kinh điển, chẳng phải là tiêu chuẩn của chúng ta, phải dùng tiêu chuẩn trong kinh điển.

Tiêu chuẩn trong kinh điển, là theo kinh Kim Cang mà nói: “*Vô ngã tướng, Vô nhân tướng, Vô chúng sanh tướng, Vô thọ giả tướng*”, thì mới được vào cửa. Cho nên địa vị Sơ Tín Bồ Tát tức là Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa, đã đoạn hết Kiến Hoặc tám mươi tám phẩm. Kiến là gì? Kiến là kiến

giải, Hoặc là mê hoặc, kiến giải của quý vị đã sai lầm, quý vị đã nhìn sai, kiến hoặc là quý vị đã nhìn sai. Tu Hoặc là quý vị đã nghĩ sai, đây chính là Kiến Tu Phiền Não.

Cái sai lầm đầu tiên là gì? Là Thân Kiến, nghĩ rằng thân này là chính mình, đây là cái sai đầu tiên, cho nên Sơ Quả Tu Đà Hoàn và địa vị Sơ Tín Bồ Tát chẳng còn chấp cái thân này là ta nữa. Vậy thân là gì? Thân là ngã sở, giống như cái áo vậy, cái áo là sở hữu của ta, nó chẳng phải là ta. Nay chúng ta đều xem cái thân này cho là ta, đây là điều quá đỗi sai lầm, vậy cái gì là ta? Trong giáo pháp Đại Thừa có nói rất rõ ràng, Linh Tánh là ta. Linh Tánh chính là Tự Tánh, hoặc là Pháp Tánh, hoặc là Phật Tánh, hoặc là Chân Tánh, là Tự Tánh. Có nhiều danh từ này cũng không sao, Phật đã nói rất nhiều danh từ này, Ngài nói rất nhiều danh từ như vậy, dụng ý là ở tại đâu? Dụng ý là bảo quý vị chẳng nên chấp trước, quý vị hiểu được ý nghĩa này thì được rồi, không nên chấp trước, hễ quý vị chấp trước thì là sai rồi, là sai rồi! Quý vị chẳng nên chấp trước.

Linh tánh là ta, linh hồn chẳng phải, hiện nay người ngoại quốc và người Hoa cũng nói linh hồn, trong Đạo giáo cũng nói linh hồn. Còn Khổng lão phu tử thì không nói linh hồn, Ngài nói du hồn, quý vị xem trong Dịch Kinh có nói “*trinh khí là vật, du hồn biến đổi*”. Ngài cũng là rất phi thường, Ngài có thể nói ra tinh khí là vật, vật là hiện tượng vật chất, trong hiện tượng vật chất có tinh, có khí. Ngài quả thật là rất phi thường, cùng với ý nghĩa trong quyển Hoàn Nguyên Quán, rất là tiếp cận, quý vị chẳng thể không thừa nhận Ngài là bậc thánh nhân. Tôi đã từng thỉnh giáo với thầy Lý, tôi hỏi: “Những bậc cổ thánh tiên hiền của Trung Hoa, như những vị Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu, Công, có phải là Phật, Bồ Tát tái lai hay không?” Ngài nghe rồi liền mỉm cười, thầy nói: “Theo trên Lý nói được thông, theo trên Sự chẳng có chứng cứ”. Thầy trả lời rất hay, trên lý nói được thông, trên sự không có chứng cứ. Thân phận của họ chẳng có bộc lộ, tức là không có chứng cứ, trên lý nhất định nói được thông, đây là trong nhà Phật nói: “*Nên lấy thân gì được độ thoát, thì liền hiện thân đó*”.

Người Hoa tin tưởng thánh hiền, thì họ hiện thân thánh hiền, người Ấn Độ tin tưởng Phật, Bồ Tát, thì hiện thân Phật, Bồ Tát, người phương Tây tin tưởng

chúa Jesus và ngài Moses, thì họ hiện thân chúa Jesus và ngài Moses, đích thật không giả chút nào. Tâm tánh chỉ có một, cho nên Phật tại trong kinh Đại Thừa có nói: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”, vũ trụ đích thật là một thể, cái cảnh giới này, là cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ, trong thập pháp giới chưa có đạt đến cảnh giới này. Nếu là ra khỏi thập pháp giới, cũng tức là người Hoa thường nói: “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, thì khế nhập cảnh giới này. Tuy nay chúng ta còn cách rất xa cảnh giới này, thể nhưng chúng ta nhờ đọc trong kinh điển, nghe Phật thuyết pháp, nghe Bồ Tát thuyết giảng, cũng đã nghe rất thuộc thì đây là giải ngộ, công phu vẫn chưa đạt đến, công phu như thế nào? Là phải buông bỏ. Cái đầu tiên phải luyện tập là phải buông bỏ Thân Kiến, luyện tập như thế nào? Ý niệm vừa khởi lên liền nghĩ đến người khác, nghĩ đến tất cả chúng sanh khổ nạn, không nên nghĩ đến cá nhân mình, phải quên đi cá nhân mình.

Phải từ chỗ này mà hạ thủ công phu, phải thường nghĩ đến Phật, Bồ Tát, tốt nhất là nghĩ đến A Di Đà Phật. Chúng ta là người tu Tịnh Độ, thời thời khắc khắc nghĩ đến A Di Đà Phật, chẳng nên nghĩ đến cá nhân mình, thì quý vị trong đời này chắc chắn được vãng sanh. Nếu thường nghĩ đến cá nhân mình, tức là tăng trưởng Ngã chấp, điều này rất phiền phức, Ngã chấp là nhân tố đầu tiên của luân hồi, quý vị làm sao ra khỏi luân hồi? Thân này là giả, chẳng phải thật, nói linh hồn, linh hồn vẫn còn ở trong lục đạo, linh hồn là gì? Là linh tánh, không sai, nhưng linh tánh đã mê, vẫn còn chấp Ngã, họ chưa buông bỏ Ngã chấp, nếu buông bỏ được Ngã chấp thì thành A La Hán. A La Hán gọi là linh tánh, không gọi là linh hồn, họ đã ra khỏi lục đạo. Linh tánh và linh hồn là một, chỉ là mê và ngộ khác nhau, linh hồn đã ngộ chính là linh tánh, linh tánh đã mê chính là linh hồn. Cho nên phải buông bỏ Ngã chấp.

Cái thứ hai là Biên Kiến, cũng phải buông bỏ. Biên kiến tức là hai bên, hiện nay chúng ta nói là đối lập, phải buông bỏ đối lập. Đối lập là gì? Là căn nguyên xung đột của tất cả phiền não. Chúng ta chẳng đối lập với mọi người, chẳng đối lập với mọi việc, chẳng đối lập với tất cả vạn vật, đây là trong Phật pháp Đại Thừa dạy tu hành. Đích thật Phật pháp dùng phương tiện làm cửa, quý vị có thể bước vào, cái gì gọi là phương tiện? Thường thường nghĩ đến khắp pháp giới, hư không giới, tất cả vạn pháp cùng với chính mình là một

Thê, thì chẳng còn đối lập nữa, gọi là phương tiện. Cái thân này của chúng ta là tiểu vũ trụ, sự phức tạp bên trong của thân này, cùng với bên ngoài đại vũ trụ là tương đồng, chẳng có khác biệt. Cái thân này rất là phức tạp, niệm sanh, niệm diệt tức là trong quyển Hoàn Nguyên Quán có nói: “*súc sanh vô tận*”, niệm niệm sanh diệt chính là “*súc sanh vô tận*”. Cho nên nhất định phải hiểu được buông bỏ những thứ này, sau khi buông bỏ thì tâm lượng mở rộng, thì được tự tại. Cho nên không thể đối lập với tất cả mọi người, thừa nhận tất cả hiện tượng, cùng với chính mình là một Thê.

Hiện tượng từ đâu mà có, vũ trụ từ đâu mà có? Là do tự tánh biến hiện ra. Ta từ đâu mà có? Cũng là tự tánh biến hiện ra, một niệm không giác mới có vô minh, vô minh chính là cái ý niệm thứ nhất, khởi tâm động niệm, cái ý niệm vừa động thì hiện ra tam tế tướng, tức là A Lại Da Thức xuất hiện, trong A Lại Da Thức biến hiện ra vũ trụ, biến hiện ra ta. Cho nên chúng ta phải hiểu rõ, giữa ta và toàn thể vũ trụ là mối quan hệ gì? Đây là luân lý trong giáo pháp Đại Thừa, luân lý là nói mối quan hệ. Phật đối với tất cả chúng sanh, vô cùng từ bi, đó là thương yêu che chở chính mình, nếu nói là người một nhà, vẫn còn có khác biệt, họ là một thân, tức là một thể, chẳng có khác biệt chút nào. Chúng ta phải thường quán như vậy, thì sẽ xa lìa Biên Kiến.

Cái thứ ba là Kiến Thủ Kiến, chúng ta thường gọi là thành kiến, ta nghĩ rằng là như vậy như vậy, thì ta phải làm như vậy như vậy, đây không phải là việc tốt. Có hai thứ thành kiến, một thứ là thành kiến của trên nhân, một thứ là thành kiến của trên quả, danh từ của Phật học gọi là “*kiến thủ kiến*” và “*giới thủ kiến*”. Kiến Thủ Kiến là thành kiến của trên quả, Giới Thủ Kiến là thành kiến của trên nhân, đây là nói về nhân quả. Quý vị có thành kiến, thì chẳng thể tùy duyên, hai thứ kiến giải sai lầm này, cũng là cố chấp thân kiến của chính mình, điều này rất là bất lợi. Hai thứ này tức là nguyên nhân chính của lục đạo luân hồi.

Kiến giải sai lầm sau cùng, không thuộc về bốn thứ phía trên đã nói, mà hết thấy cách nhìn sai lầm đều gọi là Tà Kiến. Quý vị phải đoạn hết năm thứ này thì mới chứng Sơ Quả, trong kinh Hoa Nghiêm nói, chỉ mới chứng được địa vị Sơ Tín Bồ Tát. Phật nói, quý vị làm sao biết mình đã chứng được địa vị Sơ Tín? Thứ nhất là quý vị đã khai trí tuệ, thứ hai là hai thứ thân thông đã

khôi phục lại. Lúc tôi mới học Phật, lúc đó tôi đã xuất gia, cũng đã bắt đầu đi giảng kinh, gặp phải một vị lão cư sĩ. Lão cư sĩ đó nói với tôi rằng, ông đã chứng quả A La Hán, tôi biết ông ta đã hiểu lầm, nếu như ông ta nói thật chẳng phải vọng ngữ, ông ta tin mình thật sự đã chứng quả A La Hán. Tôi cũng chẳng có cách nào giải thích cho ông ta, lòng tin đó của ông ta rất kiên cố, tin mình thật sự chứng quả A La Hán, tôi mới thỉnh giáo với ông ta.

Lúc đó chúng tôi đang ngồi ở trong phòng khách, bên ngoài là đường lộ, tôi hỏi: “Nay cách một bức tường, bên ngoài đường lộ có xe chạy, có người đi qua đi lại, ông có thấy được hay không?” Ông nói: “Không thấy”. Thì tôi nói: “Đó là giả, không phải thật sự đã chứng quả”. Tại vì sao? Vì Sơ Quả Tu Đà Hoàn thì đã thấy được. Tôi nói: “Trong tâm tôi đang động một ý niệm, tôi đang nghĩ những gì, ông có biết hay không?” Ông ta không biết. Người chứng được Nhị Quả có Tha Tâm Thông, họ đã có Tha Tâm Thông, tôi đang nghĩ cái gì thì họ biết được, như vậy ông ta mới tin lời tôi nói, ông ta mới biết mình đã sai lầm! Tuyệt chẳng phải nói, tâm địa của mình thanh tịnh, đã được một chút pháp hỷ, thì cho là đã chứng quả, thật ra vẫn còn kém rất xa. Cho nên trong Phật môn, có phương cách trắc nghiệm mình, xem cảnh giới của quý vị đến đâu, trong kinh giáo có thể giúp cho quý vị, để quý vị tự mình biết được. Nếu quý vị cầu người khác ấn chứng cho quý vị, nhưng người ấn chứng đó nhất định phải cao hơn quý vị, nếu không cao hơn quý vị, họ chẳng có cách nào ấn chứng cho quý vị.

Nói thần thông, đây là thuộc về tiểu thông, có những năng lực này thấy đều nhờ dụng công tu hành, mà phát hiện đã khôi phục, dần dần khôi phục lại. Ngoài ra còn có một số người hiện nay, họ có thể tiên đoán được rất chuẩn xác, đó là gì? Đó là họ nhờ có quỷ thần nhập vào thân, hiện nay trong xã hội này, có rất nhiều người lên đồng, ở Trung Hoa hay ngoại quốc đâu đâu cũng có. Chúng ta phải đặc biệt chú ý cẩn thận, chẳng thể bị người lừa gạt, bị người lừa gạt thì cảm thấy rất hổ thẹn, nếu bị quỷ thần lừa gạt thì càng xấu hổ hơn. Cho nên nếu chúng ta gặp phải những tình hình này, nhất định phải dùng giáo nghĩa của kinh điển mà đối chiếu. Họ nói đó, mà tương ứng với trong kinh điển đã nói, chúng ta có thể lấy làm tham khảo, nếu chẳng tương ứng với trong kinh điển đã nói, chúng ta tuyệt đối không thể tin tưởng, tuyệt đối chẳng

thể y theo họ mà làm, điều này rất là quan trọng. Vả lại trong thế gian này, bất luận là người, bất luận là sự, vật, từng sát-na đều đang thay đổi. Sự, vật, y cứ cái gì mà thay đổi? Là y cứ theo ý niệm của con người, cho nên Phật có nói: *“Tất cả pháp, từ tâm tưởng sanh”*, câu này rất là quan trọng.

Chư Phật, Bồ Tát có vô thượng trí tuệ, chúng ta không thể chẳng thừa nhận các Ngài, phải tin tưởng các Ngài, các Ngài đã đoạn Kiến Tư Phiền Não, đã đoạn Trần Sa Phiền Não, đã đoạn Vô Minh Phiền Não, hoàn toàn đã khôi phục Tự Tánh. Trong tự tánh có trí tuệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có tướng hảo viên mãn. Chúng ta tin tưởng các Ngài, các Ngài có, chúng ta cũng có, nghĩa là chúng ta đã mê mất, cũng chẳng phải thật sự mất đi, chỉ là đã mê, cho nên tự tánh không khởi tác dụng. Chúng ta khôi phục tự tánh thì khởi tác dụng, cho nên nói tu hành thật là đơn giản, đại sư Chương Gia dạy nhìn thấu, buông bỏ, thì vấn đề đã được giải quyết. Chính vì chúng ta chẳng nhìn thấy, chẳng nhìn thấu, cũng chẳng buông bỏ được, khó là khó ở chỗ này, còn Ngài thì đã làm được.

Chúng tôi đọc trong Đàn Kinh nói đại sư Huệ Năng, Ngài đã khai ngộ, là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh năm hai mươi bốn tuổi, Ngài rất còn trẻ thì đã khai ngộ. Còn tôi năm hai mươi bốn tuổi, vẫn còn mê hoặc điên đảo, đến năm hai mươi sáu tuổi mới gặp được giáo sư Phương Đông Mỹ, cũng kể là đã tỉnh ngộ. Đại sư Huệ Năng năm hai mươi bốn tuổi, Ngài đã kiến tánh, Ngài làm sao kiến tánh? Chính là Ngài buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó gọi là đốn xả, thì lập tức kiến tánh. Ngài liền nói ra cảnh giới kiến tánh của mình, Ngài đã nói ra năm câu, hai mươi chữ, thầy của Ngài là ngũ tổ Hoàng Nhãn, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài, và đã ấn chứng cho Ngài, Ngài thật sự đã minh tâm kiến tánh. Ngài nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”*, câu thứ hai Ngài nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt”*, tự tánh chẳng có sanh diệt, trong tự tánh vốn là thanh tịnh, vĩnh viễn chẳng có nhiễm ô. Dù quý vị có tạo tác đủ thập ác, đọa vào địa ngục A Tỳ mà tự tánh cũng không nhiễm ô, cái gì bị nhiễm ô? Là A Lại Da Thức bị nhiễm ô, tự tánh không có nhiễm ô. Câu thứ ba là rất quan trọng: *“Vốn tự đầy đủ”*, đầy đủ cái gì? Đầy đủ trí tuệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tài nghệ, đầy đủ tướng hảo, chẳng có khiếm khuyết một thứ nào.

Chúng ta thường tán thán Phật vạn đức vạn năng, đó là tán thán tự tánh, ai này đều có đủ, chẳng có khác biệt. Vì sao lại có khác biệt? Là vì đã mê, trình độ mê của mỗi người cũng khác nhau, có người mê được cạn, có người mê được sâu. Người mê được cạn thì thông minh hơn người mê được sâu, chỉ là mê và ngộ khác nhau mà thôi. Phật dạy người, Ngài dạy những gì? Ngài dạy cho quý vị khai ngộ, Ngài dạy cho quý vị buông bỏ, dạy cho quý vị bài trừ những chướng ngại của quý vị, để quý vị khôi phục tự tánh, Ngài dạy điều này, Ngài chẳng dạy gì khác. Còn như tu pháp đốn ngộ đốn siêu, phải là người thượng thượng căn mới tu được, như đại sư Huệ Năng là người thượng thượng căn, vừa dạy, Ngài liền buông bỏ. Còn tôi không phải là người thượng thượng căn, lúc đại sư Chương Gia dạy tôi, tôi chưa buông bỏ, lúc đó tôi nghĩ rằng, thầy dạy cho tôi rất nông cạn, mà không biết ý nghĩa của hai chữ buông bỏ rất sâu rộng, nếu buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì lập tức thành Phật. Cho nên trong tự tánh, chẳng có một pháp nào mà chẳng đầy đủ, tự tánh biến hiện ra chính là toàn cả vũ trụ.

Lúc tự tánh không biến hiện ra, nó vốn tự đầy đủ, chẳng thiếu một thứ nào, thế nhưng lúc đó không biến hiện ra. Tôi thường dùng màn hình của máy truyền hình để làm thí dụ, cái màn hình của máy truyền hình được thí dụ là tự tánh, khi chúng ta tắt hết các băng tầng trên màn hình, cái gì cũng không có, thế nhưng nó vốn tự đầy đủ. Quý vị chẳng thể nói nó không có! Hễ mở máy bấm băng tầng, nó năng sanh vạn pháp, tuy nó năng sanh vạn pháp, quý vị chẳng thể nói nó có, nó có đó là huyền có, chẳng phải thật có. Lúc chưa mở máy thì màn hình không có hình ảnh, nhưng chẳng thể nói nó không có, tức là trong nhà Phật gọi là “*ẩn hiện*”, câu thứ ba là nói Ẩn. Câu sau cùng: “*Năng sanh vạn pháp*” là nói Hiện, gọi chung là “*năng ẩn, năng hiện*”. Câu thứ tư là tự tánh vốn định, Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn không lay động*”, bản tánh vốn là định, chẳng có lay động. Đại sư Huệ Năng đã nói năm câu này.

Thích Ca Mâu Ni Phật đã khai ngộ, cũng là minh tâm kiến tánh, cùng với đại sư Huệ Năng không khác, Thế Tôn thị hiện kiến tánh, năm đó Ngài đúng ba mươi tuổi, Ngài ngồi ở dưới cây Bồ Đề, khi thấy ánh sao Mai, thì Ngài đại triệt đại ngộ. Ngài đem những gì Ngài đã thấy được, biết được, thấy

đều nói ra hết, chính là bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Ngài ở trong Định nói bộ kinh này. Cho nên hiện nay, có số người học pháp Tiểu Thừa, họ chẳng thừa nhận, Phật ngồi ở dưới cây Bồ Đề ở trong Định nói kinh Hoa Nghiêm, chúng ta nhìn thấy Ngài đang ngồi ở nơi đó, trên thực tế Ngài đang tuyên giảng kinh Hoa Nghiêm. Giảng bao lâu? Là hai tuần, tức trong nhị thất, Ngài giảng phân lượng có bao nhiêu? Bộ đại kinh này chúng ta không thấy qua, Long Thọ Bồ Tát đã thấy được. Sau khi Phật diệt độ sáu trăm năm, Long Thọ Bồ Tát xuất hiện ở Ấn Độ, Ngài là bậc Sơ Địa Bồ Tát, là người tái lai, Ngài có duyên phần được Đại Long Thọ Bồ Tát hướng dẫn vào trong long cung. Đại Long Thọ Bồ Tát cũng là bậc Bồ Tát trong Thập Địa, Ngài đem kinh Hoa Nghiêm mà Phật giảng, cất giữ trong long cung, ở nơi Tàng Kinh Lầu của Ngài, Ngài dẫn Long Thọ Bồ Tát tham quan kinh Hoa Nghiêm.

Long Thọ Bồ Tát nói với chúng ta rằng, toàn bộ kinh văn có mười cái tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, mười cái đó chẳng phải là con số, mười cái là tượng trưng cho viên mãn, là vô lượng vô biên, có một bốn thiên hạ vi trần phẩm, đây là kinh Hoa Nghiêm, tức là chúng ta thường nói khắp pháp giới, hư không giới, chính là cái ý nghĩa này. Cho nên chân chánh kinh Hoa Nghiêm là gì? Chân chánh kinh Hoa Nghiêm, chính là xã hội hiện nay của chúng ta, chính là cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Vả lại chúng ta rất là đáng thương, phạm vi sinh hoạt của chúng ta, chẳng thể rời khỏi địa cầu, chẳng thể rời khỏi cái tinh cầu nhỏ này, tự tánh mà triển hiện ra, là thế giới rộng lớn vô lượng vô biên. Người Hoa có nói hai câu rất hay: *“Lớn mà không ngoài, nhỏ mà không trong”*, hai câu này là hình dung tự tánh, nói được rất là viên mãn. Cái gì nhỏ mà không trong? Các nhà khoa học hiện nay, nói nhỏ tức là lạp tử, cơ bản lạp tử, khoa khắc không thể phân chia nữa, trong Phật pháp gọi cái này là vi trần, nhỏ hơn nữa gọi là cực vi chi vi, cực vi chi vi chẳng thể phân chia nữa. Nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được cực vi chi vi, thiên nhãn của A La Hán cũng chẳng thấy được, thiên nhãn của A La Hán chỉ thấy được vi trần. Vi trần vẫn có thể phân chia, chia thành sắc tụ cực vi, sắc tụ cực vi vẫn có thể phân chia, chia thành cực vi chi vi, cực vi chi vi thì chẳng thể phân chia nữa.

Hạng người nào có thể thấy được cực vi chi vi? Chúng tôi nghĩ rằng phải là Bát Địa Bồ Tát, Bát Địa Bồ Tát thấy được A Lại Da Thức, ý niệm trong A

Lại Da Thức biến ra vật chất, như Di Lạc Bồ Tát có nói, trong một cái búng tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân mười vạn thành ba trăm hai chục triệu, trong một cái búng tay có ba trăm hai chục triệu cái ý niệm, niệm niệm thành hình. Cái hiện tượng vật chất đó, trong kinh Phật gọi là cực vi chi vi, phải là Bát Địa Bồ Tát mới thấy được, còn Thất Địa trở xuống thì chẳng thấy được. Phật lại nói với chúng ta rằng, ở trong cái vật chất cực vi tế đó có đại thiên thế giới, có toàn cả vũ trụ, thật là chẳng thể nghĩ bàn. Có toàn cả vũ trụ, trong vũ trụ lại có cực vi chi vi, trong cực vi chi vi lại có vũ trụ, đây gọi là “*nhỏ mà không trong*”. Lớn mà không ngoài, nhỏ mà không trong. Vậy ai có thể đi vào thế giới cực vi chi vi? Trong kinh có nói là Phổ Hiền Bồ Tát, trong kinh Hoa Nghiêm nói, Phổ Hiền Bồ Tát có thể đi vào trong thế giới vi trần của cực vi chi vi.

Thế giới trong vi trần, cùng với thế giới bên ngoài lớn như nhau, chẳng có lớn nhỏ, tức là hết thảy tất cả tương đối, thảy đều không còn nữa. Về mặt thời gian chẳng có trước sau, về mặt không gian chẳng có xa gần, có nghĩa là nói tất cả đối lập thảy đều chẳng còn tồn tại, cho nên gọi là Bất Nhị pháp môn. Trong giáo pháp Đại Thừa, thường thấy cái danh từ này, “*Nhập Bất Nhị pháp môn*”, nhập Bất Nhị pháp môn chính là kiến tánh. Không có khoảng cách, Cực Lạc thế giới ở đâu? Chính là cõi này, vì chẳng có khoảng cách, cũng chẳng có thời gian, ngàn vạn năm trước ở ngay hiện tại, ngàn vạn năm sau cũng ở ngay hiện tại. Cho nên trong kinh Phật, đích thật chẳng những là thầy Phương nói có triết học cao đẳng, tôi cảm thấy cũng có khoa học cao đẳng, trong khoa học hiện nay, họ chẳng có biện pháp nghiên cứu. Trong kinh Phật thảy đều có, khoa học dùng máy móc, Phật pháp chẳng dùng máy móc mà dùng thiền định. Định lực của quý vị càng sâu, thì quý vị đột phá không gian duy thứ càng rộng lớn, đến Bát Địa Bồ Tát, đích thật Phật đã chứng được cảnh giới này, Ngài đã thấy được. Bát Địa Bồ Tát là mới thấy được thôi, chứng đến Cửu Địa, Thập Địa, từng bước từng bước mà khế nhập, chứng đến Đẳng Giác thì gần bằng với Phật, chứng đến sau cùng là địa vị Diệu Giác.

Phật nói đây là chúng ta mỗi một người thảy đều có đủ, A Di Đà Phật chẳng nhiều hơn chúng ta chút nào, chúng ta so với chư Phật Như Lai cũng

chẳng ít hơn họ chút nào. Họ đã chứng đắc còn chúng ta thì đã mê mất, cái mê mất này chẳng phải thật sự đã mất đi, nếu thật sự mà mất đi, thì đó không phải là tự tánh. Trong tự tánh chẳng có tăng giảm, như Bát Nhã Tâm Kinh có nói: “*Bất tăng bất giảm*”, tức là chẳng có tăng giảm, chỉ cần chúng ta bài trừ chướng ngại, thì tự tánh hiện tiền. Cái chướng ngại nghiêm trọng nhất là chấp trước, nếu chẳng có chấp trước, thì không có Kiến Tư phiền não, nhưng quý vị còn có phân biệt, phân biệt là Trần Sa phiền não, Vọng Tưởng là khởi tâm động niệm. Làm thế nào chúng ta không khởi tâm, không động niệm? Điều này quá khó, thật tại mà nói, chúng ta chẳng có khả năng làm được, đại sư Huệ Năng đã làm được, chúng ta thật sự chẳng làm được. Vì vậy chúng ta phải học buông bỏ dần dần.

Bắt đầu buông bỏ chấp trước, không nên chấp trước cái ý của mình quá kiên cố, phải học tùy duyên, cái gì cũng được, cũng tốt. Đời cận đại, trong số người xuất gia, quý vị đều biết đại sư Hoàng Nhất, lúc đại sư Hoàng Nhất trước khi chưa học Phật, Ngài là người có chấp tiêu chuẩn nhất, có chấp rất nghiêm trọng. Lúc Ngài còn ở Nhật Bản, còn đang du học, hẹn gặp nhau với bạn học hoặc bạn học muốn gặp Ngài, thế như hẹn gặp lúc tám giờ, đúng tám giờ Ngài mở cửa. Tám giờ mở cửa mà chẳng thấy quý vị đến, Ngài lập tức đóng cửa lại, hai phút sau có người đến, thì Ngài nói: “Anh nói hẹn tám giờ đến, sao anh lại đến trễ! Thôi đi ngày mai mới gặp”. Quý vị thấy, Ngài có chấp đến mức độ như vậy, một phút một giây cũng không được trễ, Ngài là một người như vậy. Sau khi Ngài học Phật, tôi nghe pháp sư Quảng Hiệp nói với tôi rằng, pháp sư Quảng Hiệp cùng với Ngài rất thân, lúc Ngài đến Tân Gia Ba ở tại Đàm Bồ Viện cách Tịnh Tông Học Hội chúng ta không xa lắm, tôi cũng có đến chỗ của Ngài ở qua, pháp sư Quảng Hiệp nói với tôi, Ngài rất là hiền hòa. Pháp sư Quảng Hiệp tiếp đãi Ngài, chăm lo về mặt ăn uống, có lúc quá mặn hay quá nhạt, thì Ngài nói như thế nào? Ngài nói: “Mặn có mùi vị của mặn, nhạt có mùi vị của nhạt, mỗi món đều tốt”. Ngài cái gì cũng chẳng chú trọng, đây tức là nói rõ cái gì? Ngài đã buông bỏ chấp trước, Ngài đã hoàn toàn thay đổi, Ngài hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, Ngài suốt đời tu học pháp môn Hạnh Nguyện Phổ Hiền.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, một quyển sau cùng trong kinh Hoa

Nghiêm, một phẩm kinh này được lưu thông rất là rộng rãi, Ngài có thể đọc thuộc lòng, suốt đời tu hạnh nguyện Phổ Hiền. Ngài tu hạnh nguyện Phổ Hiền, nếu còn có một chút phân biệt, chấp trước, chẳng thể tu học pháp môn này, Ngài là tấm gương mô phạm tốt nhất của chúng ta. Cho nên, chúng ta từ trong giáo pháp Đại Thừa mà xem, bất luận là từ trên Sự hoặc là từ trên Lý mà nói, chúng ta tin tưởng trong tự tánh đích thật có trí tuệ viên mãn. Trí tuệ này chẳng phải từ bên ngoài mà có, từ bên ngoài học được là thuộc về tri thức, tri thức giải quyết vấn đề có hạn, và lại còn có tác dụng phụ. Trí tuệ chẳng có tác dụng phụ, trí tuệ có thể giải quyết được tất cả vấn đề, cho nên chư Phật Như Lai, các Ngài hoàn toàn bài trừ chướng ngại, trí tuệ hiện tiền. Chúng ta mong mỏi, chúng ta cũng theo học tập với các Ngài, bài trừ tất cả chướng ngại, khôi phục tự tánh vô thượng trí tuệ. Chỗ này nói vô thượng trí tuệ chính là trong kinh Phật thường nói Vô Thượng Bồ Đề, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là cái ý nghĩa này. Chúng ta hy vọng trong đời này, có thể chứng được hay không? Có thể chứng được. Làm thế nào chứng được? Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chứng được. Đối với những người trong thời kỳ Mạt Pháp chúng ta mà nói, chỉ có một phương pháp này, còn những phương pháp khác, quý vị đều phải dần dần đoạn phiền não. Phải đoạn Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não, đây là việc không dễ gì làm được mà phải mất thời gian rất dài, duy chỉ có pháp môn Tịnh Độ này, cho nên gọi là “*vạn người tu, vạn người đi*”.

Nguyên lý của Tịnh Độ cùng với trong kinh giáo Đại Thừa, là tương đồng, là tương ứng, chúng ta có thể tin tưởng, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng chẳng có. Như vậy thì được sanh Tịnh Độ cũng tức là nói, chúng ta thật sự phải khẳng định, cái gì là quan trọng nhất trong đời này của chúng ta, cái gì có thể giải quyết được vấn đề của chúng ta, khiến cho chúng ta có thể trở về với tự tánh, chính là một câu A Di Đà Phật này. Thật sự tin tưởng, chẳng có nghi hoặc chút nào, niệm Phật không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, ai nấy đều được vãng sanh. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, còn tu những pháp môn khác, chẳng được như vậy. Tu pháp môn này được bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tự mình giống như có thần

thông đạo lực, cùng với A Di Đà Phật không khác.

Bốn mươi tám nguyện là A Di Đà Phật tự mình nói ra, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, đây là lời chân thật, không hư dối. A Duy Việt Trí là bậc Bồ Tát gì? Thông thường Phật tại trong kinh Đại Thừa có nói, là Thất Địa Bồ Tát trở lên, A Duy Việt Trí là bất thoái chuyển, là viên chứng Tam Bất Thoái, tức Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, từ Thất Địa Bồ Tát trở lên. Đây cũng là quý vị được nâng cao rất mau, cho nên pháp môn này là pháp khó tin. Những ai không tin? Hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát chẳng tin, họ nghĩ rằng làm gì có chuyện dễ dàng như vậy, đây là pháp môn đặc biệt. Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, chẳng dễ dàng gì gặp được pháp môn này, gặp được rồi mà thật sự tin, thật sự hành nhất định được vãng sanh. Sự thành tựu vượt hơn những Bồ Tát, tu học y theo tám vạn bốn ngàn pháp môn khác, vượt hơn họ quá nhiều, đây là người có trí tuệ bậc nhất. Quý vị chọn tu pháp môn này mà thật sự hành, được vãng sanh là phước báo bậc nhất, ở trong pháp thế gian và xuất thế gian cũng tìm không ra. Di Lạc Bồ Tát tương lai hạ sanh, đến thế gian này thành Phật, Ngài vẫn tiếp tục hoằng dương pháp môn này, tu pháp môn này vững vàng, nhanh chóng. Chúng ta lại xem tiếp đoạn kinh văn dưới đây.

Kinh văn: “Phật ngôn: Bỉ đẳng sở chủng thiện căn, bất năng ly tướng, bất cầu Phật tuệ, thâm trước thế lạc, nhân gian phước báo. Tuy phục tu phước, cầu nhân thiên quả, đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc, nhi vị năng xuất tam giới ngục trung”.

Đoạn kinh văn này, là nói xã hội hiện nay của chúng ta, chỉ cho số người nào? Là chỉ những người học Phật, họ chẳng tu Tịnh Độ, họ chẳng muốn sanh về Cực Lạc thế giới. Tại vì sao? Vì họ còn lưu luyến phước báo của thế gian, đặc biệt là hiện nay, có những môn phái của Phật giáo, họ cực lực đề xướng Phật pháp nhân gian, chính là chỉ cho loại này. Họ đã trồng thiện căn, trồng thiện căn như thế nào? Vì họ chấp tướng, cho nên gọi là “*bất năng ly tướng*”, loại này toàn là tu phước, họ chấp tướng tu phước, gọi là phước đức. Nếu họ lìa tướng tu phước thì gọi là công đức, việc làm là giống nhau, đoạn ác tu thiện mà chấp tướng, thì đoạn ác tu thiện có phước đức, nhưng không ra khỏi lục

đạo luân hồi. Nếu đoạn ác tu thiện mà lia tướng, chẳng chấp tướng thì đó là công đức. Quý vị xem trong truyện Đạt Ma Tổ Sư, Đạt Ma tổ sư cùng với Lương Vũ Đế đối thoại, Lương Vũ Đế hỏi Ngài: “Trẫm có công đức hay không?”, Ngài nói: “Không có công đức”. Tại vì sao? Vì Lương Vũ Đế chấp tướng, nếu Lương Vũ Đế chẳng có chấp tướng, thì công đức rất lớn, then chốt là ở tại chỗ này.

“*Bất cầu Phật tuệ*”, Phật tuệ là trí tuệ vốn có trong tự tánh, gọi là Phật Tuệ, họ không cầu Phật tuệ, hay nói cách khác, họ chẳng cầu minh tâm kiến tánh. Quý vị nên nhớ, chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cầu cái gì? Cầu minh tâm kiến tánh. Thích Ca Mâu Ni Phật và đại sư Huệ Năng đều tu trong thế gian này, được minh tâm kiến tánh, còn chúng ta đang tu trong hoàn cảnh này, chẳng có cách nào minh tâm kiến tánh. Cho nên chúng ta phải thay đổi hoàn cảnh, tức là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, có A Di Đà Phật chỉ dạy chúng ta, có chư đại Bồ Tát làm trợ duyên cho chúng ta, giúp cho chúng ta minh tâm kiến tánh. Đó là mục đích cầu vãng sanh của chúng ta.

“*Thâm trước thế lạc*”, tức là họ tham hưởng thụ danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần của thế gian, họ tham hưởng những khoái lạc này. Những khoái lạc này là gì? Là phước báo khoái lạc của nhân gian, nhiều nhất là hưởng thụ phước báo của cõi trời. Phước báo của cõi trời lớn hơn phước báo của nhân gian, nhân gian chẳng sánh bằng. Nếu chúng ta so với cõi trời Đao Lợi, một ngày của cõi trời Đao Lợi là một trăm năm ở cõi nhân gian này chúng ta. Người thế gian sống một trăm tuổi, rất hiếm có, nhưng chỉ bằng một ngày của cõi trời Đao Lợi, thì làm sao sánh bằng? Người cõi trời Đao Lợi nhìn người thế gian chúng ta, rất đáng thương, giống như chúng ta nhìn những con phù du trên mặt nước, đó là những côn trùng sống trong nước, thọ mạng của chúng chỉ có mấy tiếng đồng hồ, đó là một đời của chúng, chúng nhìn chúng ta giống như chúng ta nhìn người cõi trời Đao Lợi vậy. Thọ mạng của chúng ta quá ngắn ngủi, đây là nói phước báo của người nhân gian.

“*Tuy phục tu phước*”, nghĩa là tuy họ có tu phước, nhưng họ chỉ cầu phước báo nhân thiên, khi được phước báo thì tất cả đều đầy đủ. Những người như vậy rất nhiều, họ mong cầu phước báo đó là hiện thực, quý vị giới thiệu

cho họ Cực Lạc thế giới, họ nói chuyện đó quá xa vời, họ chẳng nhìn thấy, còn phước báo của nhân gian, họ đã nhìn thấy. Thế nhưng tuy họ tu phước báo nhân gian, nhưng bên trong họ có xen tạp rất nhiều nhân bất thiện, khi họ được phước báo, họ có được hưởng thụ hay không? Lại là một chuyện khác, tự mình tu phước mà chẳng được hưởng thụ thì rất là đáng tiếc, phải có thọ mạng mới hưởng thụ được, nếu chẳng có thọ mạng, thì không hưởng phước được.

Tôi lần này đi Đài Loan để chữa răng, ở tạm trong ngôi biệt thự của một vị đồng tu ở núi Dương Minh, ở hết một tháng mấy thì tôi có cảm khái, xin nói với các đồng tu, trước kia lúc tôi mới xuất gia. Ở Đài Bắc có một vị trưởng giả rất giàu có, cũng là một vị đại đức trong Phật môn chúng ta, là ông Trần Cao Mỗ, không biết quý vị nào có biết ông ta hay không, ông ta là một vị đại phú, ông ta có một ngôi biệt thự ở núi Dương Minh, biệt thự kiểu Tây, có vườn hoa xây cất được rất tốt đẹp, tôi ở đó một đêm. Nghe nói ông ta suốt đời chỉ ở qua ngôi biệt thự đó một đêm, vậy ai ở đó hưởng thụ? Ông ta có mướn bốn người làm công, họ giúp ông ta trông coi quét dọn ngôi biệt thự đó. Bốn người làm công đó ở trong ngôi biệt thự, hưởng phước mấy chục năm, họ có mạng hưởng phước, tuy họ chẳng có tiền nhưng họ có mạng hưởng phước, là khác hẳn. Sản quyền là của người khác, tuy sản quyền là của ông ta, tuy ông ta không hưởng thụ được, để cho những người làm công đến hưởng thụ, mỗi tháng ông ta còn phải trả lương cho họ, mời họ đến hưởng phước. Quý vị thấy như cái tình hình này, tôi nghĩ rằng ở trên thế giới có rất nhiều những người giàu có, họ đi tìm một nơi có phong cảnh rất đẹp, họ xây cất một ngôi biệt thự ở đó, một năm có thể ở được mấy ngày, thậm chí rất nhiều năm cũng chẳng đến ở.

Việc làm này của ông ta không phải phước mà là có lỗi lầm, quý vị biết hiện nay trên thế gian này, có rất nhiều người nghèo nàn khốn khổ, họ chẳng có chỗ ở, chẳng có cơm ăn. Vì sao ông ta không đem số tiền đó, đem cứu trợ cho những người nghèo nàn khốn khổ đó, hoặc là đem xây cất một viện dưỡng lão. Ở Trung Hoa nên xây cất trường tiểu học, hoặc là xây cất một viện cô nhi, đó mới là thật sự tu phước. Nếu làm mà chẳng chấp tướng, thì ông ta tu đại công đức, làm mà không làm, không làm mà làm. Đã làm rất nhiều việc tốt,

mà tâm địa sạch sẽ rốt ráo, chẳng nhiễm bụi trần, đó là công đức. Chúng tôi tu hành bao nhiêu năm nay, đã nhìn thấy rất nhiều hiện tượng này, đây đều là sự thật, cũng là nhắc nhở cho chúng tôi.

Chúng tôi sau khi nhìn thấy thì biết được, thì hiểu rõ phải tu phước như thế nào, phải tu công đức như thế nào. Được phước báo, cái phước báo này, thật sự phước báo là gì? Là lúc cuối đời khỏe mạnh sống lâu, đây là thật sự phước báo. Trước kia tôi thân cận với thầy Lý, tôi theo Ngài học kinh giáo thời gian suốt mười năm, về sau chúng tôi đi hoàng pháp, nhưng cũng thường trở về thăm Ngài. Mỗi năm tôi cũng trở về thăm Ngài mấy lần, hễ về đến Đài Loan tôi nhất định đến thăm Ngài trước tiên. Ngài chín mươi bảy tuổi đi vãng sanh, lúc Ngài chín mươi lăm tuổi, thân thể vẫn còn khỏe mạnh, chẳng cần người chăm sóc, đều có thể tự chăm sóc mình.

Năm đó Ngài chín mươi lăm tuổi, có mấy vị học trò đến yêu cầu Ngài, để cho họ chăm sóc Ngài, Ngài miễn cưỡng nhận lời, có hai vị học trò đến chăm sóc Ngài. Quý vị nghĩ xem, đây mới là thật sự hạnh phúc, tuổi tác đã cao mà thân thể còn khỏe mạnh, đây là thật sự có phước báo, thật sự phước báo là gì? Trong đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ có nói, thanh tịnh, bình đẳng, giác là thật sự có phước báo, tâm địa thanh tịnh, chẳng có tạp niệm, chẳng có nhiễm ô, bình đẳng thì chẳng có cao thấp, giác mà không mê. Trong giác mà không mê, cái nào là bậc nhất? Chính là mỗi ngày trong tâm có A Di Đà Phật, đó là giác. Hễ trong tâm chẳng có A Di Đà Phật thì là đã mê, niệm niệm là A Di Đà Phật thì quý vị thấy được đời sau của mình sẽ thù thắng, đời sau quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định một đời chứng được Phật quả viên mãn, trở về với Thường Tịch Quang. Lúc đó khởi tác dụng rất lớn, lúc đó là Thường Tịch Quang khởi tác dụng, Thường Tịch Quang là tự tánh, đây chính là chúng sanh trong thập pháp giới, có cảm thì tự nhiên có ứng, gọi là cảm ứng đạo giao.

Giúp cho tất cả chúng sanh hồi đầu giác ngộ, giúp cho tất cả chúng sanh trở về với tự tánh, chứng được Phật quả viên mãn, thì trong đời này chúng ta tu hành chẳng có hoài công. Nếu chúng ta tu hành, không thể có được thành tựu như vậy, thì trong đời này rất di hận, trong đời này mà chẳng được vãng sanh Tịnh Độ, đây là điều vô cùng đáng tiếc. Cho dù quý vị tu được đại phước

báo, đời sau quý vị sanh lên cõi trời làm thiên vương, cũng chẳng ra khỏi lục đạo. Các đồng tu chúng ta nhất định phải nhớ kỹ điều này, tu học Phật pháp là được sự lợi ích vô cùng thù thắng, chúng ta trong đời này có thể đạt được. Bây giờ thời gian đã hết, hôm nay chúng ta học tập đến đây. A Di Đà Phật.